

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

## **CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	12 - 44

---





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 20/2004/QĐ-UB ngày 05 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800544868 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01 tháng 8 năm 2011, thay đổi lần thứ 15 ngày 26 tháng 6 năm 2018.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn Upcom.

Mã chứng khoán: HGW.

Vốn điều lệ: 248.782.910.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại : +84 (0293) 3876357

Fax : +84 (0293) 3876357

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ và thương mại;
- Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- Thi công lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng;
- Xây dựng, sửa chữa, quản lý và dịch vụ các công trình đô thị công cộng như: Vệ sinh phân rác, cây xanh công viên, cây cảnh;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Quảng cáo và cho thuê quảng cáo;
- Sửa chữa cơ khí, lắp ráp công cụ, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho ngành nước và dịch vụ đô thị;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Kinh doanh xăng dầu).

#### **4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**

##### **4.1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Ông Dương Văn Thọ	Chủ tịch		
Ông Bùi Trọng Lực	Thành viên		
Ông Lê Hoàng Thám	Thành viên		
Ông Quách Minh Hiền	Thành viên		
Ông Huỳnh Văn Lý	Thành viên		28/06/2019

##### **4.2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Mai	Trưởng ban		
Ông Trương Hữu Thành	Thành viên		28/06/2019
Bà La Thụy Phiêng	Thành viên		

##### **4.3. Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Thám	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Minh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Đăng	Kế toán trưởng

#### **5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này:

Ông Dương Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc



## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 08 đến trang 44.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Sau khi công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam đã chuyển nhượng thành công số lượng 12.687.928 cổ phiếu và trở thành Công ty mẹ với tỷ lệ 51,13% vốn Điều lệ vào ngày 14 tháng 6 năm 2019. Công ty CP Cấp thoát nước- CTĐT Hậu Giang sẽ tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT vào ngày 22 tháng 8 năm 2019.

Theo Thông tư 83/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- SCIC, UBND tỉnh Hậu Giang và SCIC đã thống nhất sẽ bàn giao phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cấp thoát nước- CTĐT Hậu Giang sau năm 2020 khi Công ty thực hiện hoàn thành các công trình còn dở dang.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## 10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hậu Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019.

TM. Hội đồng quản trị



---

**DƯƠNG VĂN THỌ**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 2269/19/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang, được lập ngày 09 tháng 8 năm 2019, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2019.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Th.s Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 1523-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96.232.652.946</b>	<b>95.277.519.595</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>11.488.908.748</b>	<b>3.208.328.901</b>
111	1. Tiền		11.488.908.748	3.208.328.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>72.869.475.871</b>	<b>81.890.015.496</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	52.982.315.354	66.787.771.032
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	213.884.084	365.016.084
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	6.300.000.000	6.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.373.276.433	8.437.228.380
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>11.585.474.387</b>	<b>10.124.708.531</b>
141	1. Hàng tồn kho		11.585.474.387	10.124.708.531
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>288.793.940</b>	<b>54.466.667</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	288.793.940	54.466.667
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>315.487.805.484</b>	<b>317.849.465.589</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>	V.8	<b>223.055.706.759</b>	<b>224.069.754.717</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		220.566.491.177	221.564.107.607
222	- Nguyên giá		328.962.636.246	330.251.486.163
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.396.145.069)	(108.687.378.556)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	2.489.215.582	2.505.647.110
228	- Nguyên giá		2.633.601.620	2.633.601.620
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.386.038)	(127.954.510)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>81.578.819.878</b>	<b>81.142.277.724</b>
241	1. Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	81.578.819.878	81.142.277.724
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.853.278.847</b>	<b>12.637.433.148</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	10.853.278.847	12.637.433.148
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>411.720.458.430</b>	<b>413.126.985.184</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>61.155.298.579</b>	<b>66.107.462.320</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>61.155.298.579</b>	<b>66.107.462.320</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	12.564.632.096	10.642.499.011
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	346.064.000	346.064.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.010.958.707	1.787.302.260
314	4. Phải trả người lao động	V.14	6.658.350.000	6.588.461.521
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	13.092.984.915	2.868.541.587
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	26.633.640.957	43.153.879.321
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.973.750	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	845.694.154	720.714.620
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>350.565.159.851</b>	<b>347.019.522.864</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>350.565.159.851</b>	<b>347.019.522.864</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		248.782.914.060	248.782.914.060
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		248.782.914.060	248.782.914.060
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.532.576.232	11.156.378.915
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.702.578.438	7.854.789.268
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.702.578.438	7.854.789.268
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.19	83.547.091.121	79.225.440.621
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>411.720.458.430</b>	<b>413.126.985.184</b>

Hậu Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






PHẠM MẠNH HÙNG

TRẦN HỒNG ĐĂNG

BÙI TRỌNG LỰC



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Bảo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	91.412.825.401	84.585.742.323
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.412.825.401	84.585.742.323
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	69.597.659.953	65.414.073.173
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.815.165.448	19.171.669.150
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	32.682.978	36.682.992
22	7. Chi phí tài chính		900.809.731	1.284.668.482
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		900.809.731	1.284.668.482
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	14.518.805.939	11.786.133.728
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.428.232.756	6.137.549.932
31	11. Thu nhập khác	VI.5	720.854.287	1.042.615.185
32	12. Chi phí khác	VI.6	166.672.256	332.831.100
40	13. Lợi nhuận khác		554.182.031	709.784.085
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.982.414.787	6.847.334.017
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	1.429.836.349	1.369.466.803
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.552.578.438	5.477.867.214
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8a	168	200
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.8b	168	200

Hậu Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHẠM MẠNH HÙNG

TRẦN HỒNG ĐĂNG

BUI TRỌNG LỰC

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		110.062.234.419	103.214.340.177
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(40.508.731.385)	(48.586.060.960)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(32.975.150.559)	(22.235.525.694)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(900.809.731)	(1.284.668.482)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(1.339.472.427)	(1.172.183.056)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		49.709.804.708	24.760.171.866
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.547.672.165)	(32.113.228.497)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.500.202.860</b>	<b>22.582.845.354</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.723.835.670)	(5.916.852.699)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	26.498.266	36.682.992
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.697.337.404)</b>	<b>(5.880.169.707)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.16	50.041.396.001	43.935.434.879
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.16	(66.561.634.365)	(59.848.738.403)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(2.047.245)	(1.042.076.521)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(16.522.285.609)</b>	<b>(16.955.380.045)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>8.280.579.847</b>	<b>(252.704.398)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>3.208.328.901</b>	<b>3.049.264.458</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>11.488.908.748</b>	<b>2.796.560.060</b>

Người lập biểu

PHẠM MẠNH HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN HỒNG ĐĂNG

Hậu Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019.



Giám đốc

BÙI TRỌNG LỰC



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ và thương mại;
- Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- Thi công lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng;
- Xây dựng, sửa chữa, quản lý và dịch vụ các công trình đô thị công cộng như: Vệ sinh phân rác, cây xanh công viên, cây cảnh;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Quảng cáo và cho thuê quảng cáo;
- Sửa chữa cơ khí, lắp ráp công cụ, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho ngành nước và dịch vụ đô thị;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Kinh doanh xăng dầu).

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam đã chuyển nhượng thành công số lượng 12.687.928 cổ phiếu và trở thành Công ty mẹ với tỷ lệ 51,13% vốn Điều lệ.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 577 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 609 nhân viên).



## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.**

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ* 13

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

### **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Tài sản cố định khác	03 - 10 năm



## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. Quỹ lương

Quỹ tiền lương Công ty căn cứ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là nước sạch*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ thuê bao đô thị, lắp đặt, xe buýt,...*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **Doanh thu chưa thực hiện**

Là tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê

#### **Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

## **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

## **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình

quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng kỳ.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	20.965.249	21.103.060
1.2	Tiền gửi ngân hàng	11.467.943.499	3.187.225.841
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>11.488.908.748</b>	<b>3.208.328.901</b>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ không dùng để đảm bảo vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>52.982.315.354</b>	<b>66.787.771.032</b>
- Hoạt động thuê bao đô thị	38.687.284.876	49.292.570.198
+ Phòng quản lý đô thị thị xã Ngã Bảy	20.217.484.463	23.885.994.863
+ Phòng quản lý đô thị thành phố Vị Thanh	10.001.193.994	14.846.201.735
+ Phòng quản lý đô thị các xã khác	8.468.606.419	10.560.373.600
- Hoạt động xây lắp công trình	10.883.107.078	14.886.989.094
+ Phòng quản lý đô thị thành phố Vị Thanh	3.279.885.000	8.622.701.000
+ Các khách hàng khác	7.603.222.078	6.264.288.094
- Hoạt động cung cấp nước	2.943.565.553	2.089.071.653
- Hoạt động lắp đặt	153.253.388	58.476.388
- Hoạt động xử lý nước thải	68.210.751	47.776.751
- Hoạt động khác	246.893.708	412.886.948
<b>Cộng</b>	<b>52.982.315.354</b>	<b>66.787.771.032</b>

Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày kết thúc kỳ không sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>213.884.084</b>	<b>365.016.084</b>
- Công ty TNHH Tiến Nam Phát	52.492.000	-
- Trung tâm Quy hoạch Kiến trúc	43.682.000	43.682.000
- Công ty TNHH Tân Thuận	25.200.000	25.200.000
- Các nhà cung cấp khác	92.510.084	296.134.084
<b>Cộng</b>	<b>213.884.084</b>	<b>365.016.084</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
- Cho Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam vay với lãi suất 0%/tháng/năm (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>
- Cho Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thành Công vay với lãi suất 0%/tháng/năm (*)	2.300.000.000	2.300.000.000
- Cho Công ty TNHH Sáu Phát vay với lãi suất 0%/tháng/năm (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.300.000.000</b>	<b>6.300.000.000</b>

(\*) Là khoản cho vay tiền để thực hiện di dời 02 đường ống cung cấp nước sinh hoạt liên quan đến dự án BOT Quốc lộ 1 Cần Thơ – Phụng Hiệp. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận hỗ trợ kinh phí di dời này theo văn bản số 569/UBND-KH ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán không sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.235.000.000</b>	-	<b>1.371.500.000</b>	-
Tạm ứng	1.235.000.000	-	1.371.500.000	-
- Quách Minh Hiền – Phó Tổng Giám đốc	1.235.000.000	-	1.310.000.000	-
- Bùi Trọng Lực – Tổng Giám đốc	-	-	61.500.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.138.276.433</b>	-	<b>7.065.728.380</b>	-
Phải thu về cổ phần hóa	303.874.048	-	303.874.048	-
Phải thu khác	374.786.332	-	374.786.332	-
- CTr: di dời Ô CN N7-T.Phú Thạnh	209.786.332	-	209.786.332	-
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang	165.000.000	-	165.000.000	-
Tạm ứng	11.459.616.053	-	6.387.068.000	-
- Tạm ứng công tác thường xuyên	3.407.556.000	-	921.068.000	-
+ Nguyễn Thanh Phong	936.810.000	-	676.810.000	-
+ Trần Thủy Mai	740.000.000	-	40.000.000	-
+ Các nhân viên khác	1.730.746.000	-	204.258.000	-
- Tạm ứng cho các công trình	8.052.060.053	-	5.466.000.000	-
+ Trần Thủy Mai	2.720.000.000	-	1.400.000.000	-
+ Nguyễn Văn Dũng	1.815.000.000	-	-	-
+ Lưu Thị Phương Thảo	1.296.600.000	-	981.600.000	-
+ Các nhân viên khác	2.220.460.053	-	3.084.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.373.276.433</b>	-	<b>8.437.228.380</b>	-

Các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán không sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Hàng tồn kho**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.257.180.338	-	9.721.188.526	-
Công cụ, dụng cụ	328.294.049	-	403.520.005	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.585.474.387</b>	<b>-</b>	<b>10.124.708.531</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

- Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty không có hàng tồn kho sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh..

**Nguyên liệu, vật liệu**

Chủ yếu là các nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động cung cấp nước như: Ống uPVC các loại, thủy lượng kế,...

**Công cụ, dụng cụ**

Chủ yếu là các công cụ dụng cụ trong hoạt động cung cấp nước chưa xuất kho sử dụng như: máy bơm ly tâm, máy châm clo,...

**7. Chi phí trả trước****7.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là khoản chi phí vật liệu xử lý rác.

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	288.793.940	54.466.667
<b>Cộng</b>	<b>288.793.940</b>	<b>54.466.667</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	54.466.667	-
Tăng trong kỳ	991.036.364	752.900.000
Phân bổ trong kỳ	(756.709.091)	(197.471.111)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>288.793.940</b>	<b>555.428.889</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 24

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**7.b Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại	6.702.709.764	8.247.626.477
- Lợi thế thương mại tại nhà máy nước Vị Thanh (phường 5, thành phố Vị Thanh)	5.285.307.455	6.040.351.355
- Lợi thế thương mại tại nhà máy nước Kinh Cù	820.296.749	937.482.000
- Lợi thế thương mại tại nhà máy nước Long Mỹ	597.105.560	682.406.322
- Lợi thế thương mại tại đất kinh doanh xe buýt (phường 7, thành phố Vị Thanh)	-	587.386.800
Chi phí dịch vụ phát hành hoá đơn điện tử	232.388.889	-
Công cụ dụng cụ	3.918.180.194	4.389.806.671
<b>Cộng</b>	<b>10.853.278.847</b>	<b>12.637.433.148</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	12.637.433.148	14.781.483.101
Tăng trong kỳ	1.258.588.323	1.273.025.334
Phân bổ trong kỳ	(3.042.742.624)	(3.037.262.170)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.853.278.847</b>	<b>13.017.246.265</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	71.167.341.147	17.340.056.523	222.450.195.922	19.293.892.571	330.251.486.163
2. Tăng trong kỳ	220.567.273	96.089.771	3.857.063.545	3.390.188.200	7.563.908.789
<i>Tăng do mua mới</i>	149.707.273	56.850.000	883.421.818	21.473.000	1.111.452.091
<i>Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	70.860.000	39.239.771	2.973.641.727	3.368.715.200	6.452.456.698
3. Giảm trong kỳ	(718.105.059)	(35.000.000)	(8.098.286.647)	(1.367.000)	(8.852.758.706)
4. Số cuối kỳ	70.669.803.361	17.401.146.294	218.208.972.820	22.682.713.771	328.962.636.246
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	669.464.400	3.921.090.139	17.359.066.260	908.392.150	22.858.012.949
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	22.247.326.366	9.783.537.893	72.177.848.805	4.478.665.492	108.687.378.556
2. Tăng trong kỳ	1.489.551.126	521.767.870	5.454.946.457	536.699.695	8.002.965.148
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.489.551.126	521.767.870	5.454.946.457	536.699.695	8.002.965.148
3. Giảm trong kỳ	(539.739.638)	(10.833.342)	(7.743.625.655)	-	(8.294.198.635)
4. Số cuối kỳ	23.197.137.854	10.294.472.421	69.889.169.607	5.015.365.187	108.396.145.069
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	48.920.014.781	7.556.518.630	150.272.347.117	14.815.227.079	221.564.107.607
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	47.472.665.507	7.106.673.873	148.319.803.213	17.667.348.584	220.566.491.177
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

*Trong đó:*

- Công ty không có Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh (xem thuyết minh V16).
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	2.633.601.620	2.633.601.620
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.633.601.620	2.633.601.620
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Số đầu năm	127.954.510	127.954.510
2. Tăng trong kỳ	16.431.528	16.431.528
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	16.431.528	16.431.528
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	144.386.038	144.386.038
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	2.505.647.110	2.505.647.110
2. Tại ngày cuối kỳ	2.489.215.582	2.489.215.582
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

*Trong đó:*

– Công ty không có Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh (xem thuyết minh V16).

(\*) Quyền sử dụng đất số BN 078609 tại Chi nhánh thoát nước – CTĐT Vị Thanh ngày 30 tháng 12 năm 2013 do UBND Tỉnh Hậu Giang cấp, thời gian sử dụng đến hết năm 2061.

Quyền sử dụng đất số CQ 297846, CQ 297847, CQ 297848, CQ 297849 tại xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, thời gian sử dụng đến hết năm 2068.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	867.908.181	(867.908.181)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	81.142.277.724	8.848.000.585	(6.452.456.698)	(1.959.001.733)	81.578.819.878
Nhà cửa vật kiến trúc	11.096.787.979	126.171.818	(70.860.000)	(1.233.000.200)	9.919.099.597
Máy móc thiết bị	18.130.786.090	253.019.771	(39.239.771)	(53.447.273)	18.291.118.817
Phương tiện vận tải truyền dẫn	12.636.122.849	3.387.000.587	(2.973.641.727)	(496.490.302)	12.552.991.407
Tài sản cố định khác	39.278.580.806	5.081.808.409	(3.368.715.200)	(176.063.958)	40.815.610.057
<b>Cộng</b>	<b>81.142.277.724</b>	<b>9.715.908.766</b>	<b>(7.320.364.879)</b>	<b>(1.959.001.733)</b>	<b>81.578.819.878</b>

Trong đó:

- Công trình xây dựng cơ bản dở dang tại kỳ kế toán kết thúc không sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.
- Công ty không vốn hóa chi phí lãi vay vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.370.626.832</b>	<b>1.351.585.282</b>
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	1.370.626.832	1.351.585.282
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>11.194.005.264</b>	<b>9.290.913.729</b>
- Công ty CP Hội Ngộ Phương Nam	2.275.116.360	1.322.897.103
- Công ty TNHH Thành Công	1.307.059.000	1.307.059.000
- Công ty TNHH TM-DV-KT Đức Hùng	1.163.604.420	1.317.644.400
- Các nhà cung cấp khác	6.448.225.484	5.343.313.226
<b>Cộng</b>	<b>12.564.632.096</b>	<b>10.642.499.011</b>

Công ty không có nợ quá hạn cần thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả khách hàng khác</b>	<b>346.064.000</b>	<b>346.064.000</b>
- Hoạt động xây lắp công trình	318.826.000	318.826.000
+ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Mỹ	318.826.000	318.826.000
- Hoạt động lắp đặt	27.238.000	27.238.000
<b>Cộng</b>	<b>346.064.000</b>	<b>346.064.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	963.159.075	760.974.792	(1.646.030.207)	-	78.103.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	664.263.080	1.429.836.349	(1.339.472.427)	-	754.627.002
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.262.365	177.674.840	(176.774.840)	-	5.162.365
Thuế tài nguyên	-	-	206.002.420	(206.002.420)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	8.522.529	(8.522.529)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	50.169.730	(50.169.730)	-	-
Phí nước thải	-	155.617.740	993.859.740	(976.411.800)	-	173.065.680
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>1.787.302.260</b>	<b>3.640.040.400</b>	<b>(4.416.383.953)</b>	-	<b>1.010.958.707</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch với mức 5%.

**Thuê đất và thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Quy tiền lương Công ty căn cứ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	6.658.350.000	6.588.461.521
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.658.350.000</b>	<b>6.588.461.521</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>13.092.984.915</i>	<i>2.868.541.587</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.770.668.638	37.333.701
Phải trả tiền Ngân sách tỉnh Hậu Giang (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả phí nước thải	156.110.209	226.581.349
Phải thu tiền hỗ trợ di dời	4.612.964.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.553.242.068	1.604.626.537
<b>Cộng</b>	<b>13.092.984.915</b>	<b>2.868.541.587</b>

(\*) Đây là khoản phải trả tiền tạm ứng Ngân sách tỉnh Hậu Giang để đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước tại phường 4, phường 5 thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang.

Công ty không có nợ quá hạn cần thanh toán.

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>26.633.640.957</b>	<b>26.633.640.957</b>	<b>43.153.879.321</b>	<b>43.153.879.321</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.633.640.957	26.633.640.957	43.153.879.321	43.153.879.321
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – Chi nhánh Hậu Giang <sup>(1)</sup>	20.324.186.815	20.324.186.815	21.772.535.848	21.772.535.848
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Hậu Giang <sup>(2)</sup>	6.309.454.142	6.309.454.142	21.381.343.473	21.381.343.473
<b>Cộng</b>	<b>26.633.640.957</b>	<b>26.633.640.957</b>	<b>43.153.879.321</b>	<b>43.153.879.321</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng số 700-LAV-201900156/HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Lãi suất : 7%/ năm.
- Thời hạn vay 12 tháng.
- Hình thức đảm bảo: Vay tín chấp.

(2) Khoản vay theo hợp đồng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT821-HAWASUCO ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay: sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ.
- Thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.
- Hình thức đảm bảo: Vay tín chấp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	43.153.879.321	50.041.396.001	(66.561.634.365)	26.633.640.957
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – CN Hậu Giang	21.772.535.848	27.408.653.185	(28.857.002.218)	20.324.186.815
- NH TMCP Công thương VN – CN Hậu Giang	21.381.343.473	22.632.742.816	(37.704.632.147)	6.309.454.142
<b>Cộng</b>	<b>43.153.879.321</b>	<b>50.041.396.001</b>	<b>(66.561.634.365)</b>	<b>26.633.640.957</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	282.417.267	1.625.318.965	(1.474.644.000)	433.092.232
Quỹ phúc lợi	386.615.365	825.318.965	(978.586.235)	233.348.095
Quỹ thưởng BDH	51.681.988	142.571.839	(15.000.000)	179.253.827
<b>Cộng</b>	<b>720.714.620</b>	<b>2.593.209.769</b>	<b>(2.468.230.235)</b>	<b>845.694.154</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	174.788.353.002	8.492.932.721	7.828.153.980	110.254.579.679	301.364.019.382
Tăng trong năm trước	73.994.561.058	2.663.446.194	9.504.789.268	42.965.422.000	129.128.218.520
Giảm trong năm trước	-	-	(9.478.153.980)	(73.994.561.058)	(83.472.715.038)
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	248.782.914.060	11.156.378.915	7.854.789.268	79.225.440.621	347.019.522.864
Tăng trong kỳ <sup>(*)</sup>	-	2.376.197.317	5.552.578.438	5.567.017.700	13.495.793.455
Giảm trong kỳ	-	-	(8.704.789.268)	(1.245.367.200)	(9.950.156.468)
Số dư cuối kỳ	248.782.914.060	13.532.576.232	4.702.578.438	83.547.091.121	350.565.159.851

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**18.b Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	51,13%	127.198.280.000	-
Cổ đông Nhà nước (*)	46,33%	115.259.630.060	242.138.914.060
Các cổ đông khác	2,54%	6.325.000.000	6.644.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>248.782.914.060</b>	<b>248.782.914.060</b>

(\*) Cổ đông nhà nước là Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	127.198.280.000	51,13%	127.198.280.000	-
- Cổ đông Nhà nước	115.259.630.060	46,33%	115.259.630.060	-
- Cổ đông khác	6.325.000.000	2,54%	6.325.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>248.782.914.060</b>	<b>100,00%</b>	<b>248.782.914.060</b>	<b>-</b>

**18.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	248.782.914.060	174.788.353.002
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	73.994.561.058
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	248.782.914.060	248.782.914.060
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(3.735.382.182)	(3.418.089.282)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**18.d Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.878.291	24.878.291
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.878.291	24.878.291
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.878.291	24.878.291
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.878.291	24.878.291
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.878.291	24.878.291
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18.e Các quỹ của doanh nghiệp***Quỹ đầu tư phát triển*

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

*Quỹ khen thưởng*

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

*Quỹ phúc lợi*

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**18.f Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm		7.854.789.268
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.552.578.438
Phân phối trong kỳ <sup>(*)</sup>		(8.704.789.268)
- Cổ tức phải trả	(3.735.382.182)	
- Quỹ đầu tư phát triển	(2.376.197.317)	
- Quỹ khen thưởng	(1.625.318.965)	
- Quỹ phúc lợi	(825.318.965)	
- Quỹ thưởng Ban Điều hành	(142.571.839)	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>		<b>4.702.578.438</b>

<sup>(\*)</sup> Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2019 về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018.

**19. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng & xử lý ô nhiễm môi trường Bãi rác sinh hoạt Kinh Cùg	27.288.490.200	23.273.951.800
- Khoan giếng nước ngầm ứng phó xâm nhập mặn	18.722.689.000	18.557.310.700
- Công trình hệ thống thoát nước & xử lý nước thải TP Vị Thanh	15.319.465.180	15.319.465.180
- Công trình nhà máy nước Sông Hậu	10.985.172.598	10.645.172.598
- Các công trình khác	11.231.274.143	11.429.540.343
<b>Cộng</b>	<b>83.547.091.121</b>	<b>79.225.440.621</b>

Tình hình tăng, giảm Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	79.225.440.621	110.254.579.679
Nguồn kinh phí được cấp	5.567.017.700	9.679.020.000
Giảm nguồn do cắt giảm chi phí công trình	(1.245.367.200)	(73.994.561.058)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.547.091.121</b>	<b>45.939.038.621</b>



## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**

### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1.a Tổng doanh thu**

Chi tiết	<b>06 tháng đầu năm 2019</b>	<b>06 tháng đầu năm 2018</b>
- Hoạt động cung cấp nước	43.931.230.317	39.741.129.103
- Hoạt động lắp đặt	574.322.543	462.327.903
- Hoạt động thuê bao đô thị	36.628.857.301	33.881.215.420
- Hoạt động xe buýt	2.572.855.454	7.952.967.272
- Hoạt động xây lắp	7.188.380.895	1.426.817.728
- Hoạt động khác	517.178.891	1.121.284.897
<b>Cộng</b>	<b>91.412.825.401</b>	<b>84.585.742.323</b>

#### **1.b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không có Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### **2. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết	<b>06 tháng đầu năm 2019</b>	<b>06 tháng đầu năm 2018</b>
- Hoạt động cung cấp nước	30.579.886.491	27.980.433.524
- Hoạt động lắp đặt	1.996.727.796	1.819.241.838
- Hoạt động thuê bao đô thị	27.382.223.005	25.844.395.390
- Hoạt động xe buýt	3.345.310.728	8.486.455.074
- Hoạt động xây lắp	6.293.511.933	1.283.547.347
<b>Cộng</b>	<b>69.597.659.953</b>	<b>65.414.073.173</b>

### **3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
Chi phí nhân viên	10.983.177.780	8.870.208.717
Chi phí vật liệu quản lý	241.890.739	221.224.417
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.202.885	193.506.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	384.185.351	381.288.872
Thuế, phí, lệ phí	92.691.825	64.205.125
Chi phí mua ngoài	149.302.770	113.943.848
Chi phí khác bằng tiền	2.612.470.775	1.941.756.659
<b>Cộng</b>	<b>14.579.922.125</b>	<b>11.786.133.728</b>

**5. Thu nhập khác**

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
- Chênh lệch thanh lý tài sản	682.551.139	-
- Thu nhập từ bồi hoàn công trình	33.303.148	969.324.355
- Thu nhập khác	5.000.000	73.290.830
<b>Cộng</b>	<b>720.854.287</b>	<b>1.042.615.185</b>

**6. Chi phí khác**

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
- Chi phí công trình được bồi hoàn	95.952.034	332.831.100
- Chi phí khác	70.720.222	-
<b>Cộng</b>	<b>166.672.256</b>	<b>332.831.100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**7. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tạm tính như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.982.414.787</b>	<b>6.847.334.017</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	70.720.222	-
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	70.720.222	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.053.135.009	6.847.334.017
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	7.053.135.009	6.847.334.017
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.410.627.002	1.369.466.803
Thuế TNDN truy thu (*)	19.209.347	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.429.836.349</b>	<b>1.369.466.803</b>

(\*) Truy thu theo Quyết định số 302/QĐ-CT ngày 11 tháng 04 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Hậu Giang năm 2016 đến 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu****8.a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>06 tháng đầu năm 2019</b>	<b>06 tháng đầu năm 2018</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.552.578.438	5.477.867.214
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.982.270.503)	(1.955.598.595)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.898.981.826	1.873.430.587
- Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành (**)	83.288.677	82.168.008
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.570.307.935	3.522.268.619
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	21.310.334	17.643.267
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>168</b>	<b>200</b>

(\*) Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban Điều hành với tỷ lệ 35,7% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCT ngày 28 tháng 06 năm 2019. Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế khi có Nghị Quyết chính thức của Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<b>06 tháng đầu năm 2019</b>	<b>06 tháng đầu năm 2018</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.310.334	17.478.835
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 6 năm 2018	-	164.432
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>21.310.334</b>	<b>17.643.267</b>

**8.b Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>06 tháng đầu năm 2019</b>	<b>06 tháng đầu năm 2018</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.570.307.935	3.522.268.619
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.570.307.935	3.522.268.619
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.310.334	17.643.267
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>168</b>	<b>200</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 39



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	21.310.334	17.643.267
..	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>21.310.334</u></b>	<b><u>17.643.267</u></b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.116.810.577	6.645.683.370
Chi phí nhân công	34.192.672.351	31.061.101.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.019.396.676	7.729.878.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.008.352.024	25.813.256.183
Chi phí khác bằng tiền	10.253.569.610	5.950.287.040
<b>Cộng</b>	<b><u>73.590.801.238</u></b>	<b><u>77.200.206.901</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

**3. Thu tiền từ đi vay**

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.16)

**4. Tiền trả nợ gốc vay**

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.16)

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 40

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**2. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm : các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3.a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm : các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
Ông Quách Minh Hiền – Phó TGD		
- <i>Tạm ứng</i>	380.000.000	-
- <i>Hoàn ứng</i>	455.000.000	-

**Cam kết bảo lãnh**

Công ty không dùng tài sản để bảo đảm cho khoản vay của cá nhân và không có cá nhân dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số V.16)

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
Tiền lương và phụ cấp, thưởng	748.838.635	746.000.909
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	131.235.000	130.290.000
Cổ tức	-	4.525.026
<b>Cộng</b>	<b>880.073.635</b>	<b>880.815.935</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.



### **3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,

Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### **Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

### **4. Báo cáo theo bộ phận**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**4.a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chi tiết	Hoạt động cung cấp nước	Hoạt động lắp đặt	Hoạt động thuê bao đô thị	Hoạt động xe buýt	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
<b>06 tháng đầu năm 2019</b>							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.931.230.317	574.322.543	36.628.857.301	2.572.855.454	7.188.380.895	517.178.891	84.585.742.323
Giá vốn hàng bán	30.579.886.491	1.996.727.796	27.382.223.005	3.345.310.728	6.293.511.933	-	65.414.073.173
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.351.343.826</b>	<b>(1.422.405.253)</b>	<b>9.246.634.296</b>	<b>(772.455.274)</b>	<b>894.868.962</b>	<b>517.178.891</b>	<b>21.815.165.448</b>
<b>06 tháng đầu năm 2018</b>							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.741.129.103	462.327.903	33.881.215.420	7.952.967.272	1.426.817.728	1.121.284.897	84.585.742.323
Giá vốn hàng bán	27.980.433.524	1.819.241.838	25.844.395.390	8.486.455.074	1.283.547.347	-	65.414.073.173
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.760.695.579</b>	<b>(1.356.913.935)</b>	<b>8.036.820.030</b>	<b>(533.487.802)</b>	<b>143.270.381</b>	<b>1.121.284.897</b>	<b>19.171.669.150</b>

**4.b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**5. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**6. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Sau khi công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam đã chuyển nhượng thành công số lượng 12.687.928 cổ phiếu và trở thành Công ty mẹ với tỷ lệ 51,13% vốn Điều lệ vào ngày 14 tháng 6 năm 2019. Công ty CP Cấp thoát nước- CTĐT Hậu Giang sẽ tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT vào ngày 22 tháng 8 năm 2019.

Theo Thông tư 83/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- SCIC, UBND tỉnh Hậu Giang và SCIC đã thống nhất sẽ bàn giao phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cấp thoát nước- CTĐT Hậu Giang sau năm 2020 khi Công ty thực hiện hoàn thành các công trình còn dở dang.

Hậu Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**PHẠM MẠNH HÙNG**

**TRẦN HỒNG ĐĂNG**

**BÙI TRỌNG LỰC**